

Bản án số: 130/2019/HS-PT

Ngày: 15-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

- *Thẩm phán thành viên:* Bà Nguyễn Thị Sang;

Ông Trần Văn Luông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Lữ Thị Lệ Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 144/2019/TLPT-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2019/HS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 tại tỉnh Bến Tre; khẩu thường trú: Ấp 5, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2001.

Tiền án:

- Bản án số 34/2015/HSST ngày 01/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/5/2017 và thi hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng vào ngày 11/8/2015.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 33/HSST ngày 11/8/1999 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công

dân”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm vào ngày 7/5/2015.

- Bản án số 28/2008/HSST ngày 17/4/2008 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2009 và thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng, nộp ngân sách Nhà nước 370.000 đồng vào ngày 29/12/2008.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 22 tháng 12 năm 2018 cho đến nay.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là đối tượng không nghề nghiệp, không nơi cư trú ổn định, thường xuyên đi lang thang nhiều tỉnh, thành để tìm việc làm.

Khoảng 19 giờ ngày 09/12/2018, Nguyễn Văn T đi bộ tại khu vực cầu mới H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì nhìn thấy ông Danh T, đang đứng bên đường cùng xe mô tô hiệu Wave, màu xanh đen bạc biển số 61N1-110.81. Nguyễn Văn T đi lại hỏi xin tiền của ông Danh T để bắt xe về quê, ông Danh T không cho tiền mà dẫn Nguyễn Văn T vào một quán cháo gần đó cho Nguyễn Văn T ăn. Sau đó, ông Danh T nói sẽ tìm việc làm cho Nguyễn Văn T và chở Nguyễn Văn T về phòng trọ của ông Danh T tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngủ.

Khoảng 16 giờ ngày 10/12/2018, ông Danh T điều khiển xe mô tô biển số 61N1-110.81 chở Nguyễn Văn T đến phòng trọ của bạn ông Danh T tên Nguyễn Văn T3, thuộc nhà trọ của ông P1 tại ấp L, xã AT, thị xã B, tỉnh Bình Dương để nhờ ông Nguyễn Văn T3 xin việc làm. Khoảng 19 giờ cùng ngày tại phòng trọ của ông Nguyễn Văn T3, ông Danh T đưa cho Nguyễn Văn T 60.000 đồng và chìa khóa xe mô tô biển số 61N1-110.81 để Nguyễn Văn T đi mua thức ăn về uống rượu. Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 61N1-110.81 đi được khoảng 100 mét thì nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của ông Danh T bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 61N1-110.81 chạy về chợ đầu mối Nông Sản G, Thành phố Hồ Chí Minh gửi vào bãi giữ xe. Đến khoảng 14 giờ ngày 12/12/2018, Nguyễn Văn T điều khiển xe mô tô biển số 61N1-110.81 đến tiệm sửa xe tại địa chỉ số 285, Quốc lộ 1, khu phố 5, phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Xuân Đ, yêu cầu bán xe với giá 3.000.000 đồng, ông Nguyễn Xuân Đ hỏi giấy tờ xe thì Nguyễn Văn T nói không có. Khoảng 30 phút sau, Công an phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đi tuần tra đến tiệm sửa xe của ông Nguyễn Xuân Đ, Công an yêu cầu Nguyễn Văn T xuất trình giấy tờ tùy thân và giấy chứng nhận đăng ký xe đối với xe mô tô biển số 61N1-110.81 thì Nguyễn Văn T thừa nhận

xe do Nguyễn Văn T chiếm đoạt xe của ông Danh T, Công an phường C đã lập Biên bản ghi nhận sự việc, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, liên hệ với Công an thị xã B và chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B, tỉnh Bình Dương thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã B, tỉnh Bình Dương, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 61N1-110.81, đã qua sử dụng trị giá 17.860.000 đồng.

Tài sản ông Danh T bị Nguyễn Văn T chiếm đoạt là xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 61N1-110.81, xe này do bà Đỗ Thị N đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe, bà Đỗ Thị N cho ông mượn sử dụng để đi làm. Trong quá trình điều tra, bà Đỗ Thị N đã nhận lại tài sản do bị cáo Nguyễn Văn T chiếm đoạt. Nay ông không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì liên quan đến xe mô tô biển số 61N1-110.81. Đối với số tiền 60.000 đồng ông đưa cho bị cáo đi mua thức ăn để uống rượu, ông không yêu cầu bị cáo trả lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đỗ Thị N khai nhận: Xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển số 61N1-110.81 là tài sản thuộc quyền sở hữu của bà và do bà đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Trong quá trình điều tra bà đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Nay bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2019/HS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/12/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/6/2019, bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Xét thấy, tại Bản án số 33/HSST ngày 11/8/1999 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre và Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2008/HSST ngày 17/4/2008 thì tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Tuy bị cáo chấp hành xong bản án vào ngày 07/5/2015,

nhưng áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì án tích của bị cáo Nguyễn Văn T tại các Bản án hình sự sơ thẩm số 33/1999/HSST ngày 11/8/1999 và Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2008/HSST ngày 17/4/2008 thuộc vào trường hợp đương nhiên được xóa án tích. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 03 tiền án nên áp dụng tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*” để xét xử bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo 03 năm tù là chưa phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt tù 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 10/12/2018, ông Danh T đưa cho bị cáo Nguyễn Văn T 60.000 đồng và chìa khóa xe mô tô biển số 61N1-110.81 để đi mua thức ăn về uống rượu. Khi đi trên đường, Nguyễn Văn T có hành vi gian dối chiếm đoạt xe mô tô biển số 61N1-110.81 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến ngày 12/12/2018, bị cáo đã mang xe đi bán cho ông Nguyễn Xuân Đ tại phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có giấy tờ xe nên bị Công an kiểm tra và bắt quả tang. Tại Kết luận định giá tài sản ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã B, tỉnh Bình Dương kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc biển số 61N1-110.81, đã qua sử dụng trị giá 17.860.000 đồng.

Về xác định tiền án của bị cáo Nguyễn Văn T để xác định tình tiết định khung: Hội đồng xét xử xét thấy, đối với Bản án số 33/HSST ngày 11/8/1999 của Tòa án nhân dân huyện M xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm vào ngày 7/5/2015. Theo quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì tài sản bị chiếm đoạt phải “*từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây...*” mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, theo như nội dung Bản án hình sự sơ thẩm số 33/HSST ngày 11/8/1999 của Tòa án nhân dân huyện M thì tài sản Nguyễn Văn T chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 đồng. Ngoài ra, tại Bản án số 28/2008/HS-ST ngày 17/4/2008 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh thì tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng. Do đó, áp dụng quy định tại khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về các tình tiết có lợi cho bị cáo, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị

quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội (về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13) thì trường hợp của bị cáo Nguyễn Văn T thuộc trường hợp đương nhiên xóa án tích. Do đó, bị cáo chỉ còn một tiền án tại Bản án số 34/2015/HSST ngày 01/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” là chưa chính xác. Trong vụ án này, số tiền bị cáo chiếm đoạt là 17.860.000 đồng, do đó hành vi phạm tội của bị cáo chỉ cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ sửa điều khoản áp dụng với bị cáo Nguyễn Văn T cho đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Như lập luận ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo mức hình phạt 03 năm tù là không tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới nên đây được xác định là tiền án, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm về áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về việc xét xử bị cáo ở khung hình phạt nhẹ hơn đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần phạm tội nên Hội đồng xét xử sẽ xử bị cáo với mức án cao hơn mức án mà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã đề nghị nhằm mục đích giáo dục, răn đe bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T không phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1/ Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2019/HS-ST ngày 05/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Dương về điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2018.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Văn T không phải nộp.

3/ Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã B; | 2 |
| - VKSND thị xã B; | 1 |
| - CC THADS thị xã B; | 1 |
| - Công an thị xã B; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Bị cáo; PC11- Công an tỉnh BD; | 2 |
| - PV06 | 1 |
| - Lưu: HS, Tổ HCTP. | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức